TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 28/2020/QĐST-HNGĐ	*Na Hang, ngày 20 tháng 8 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết :số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị M và anh Nguyễn Trung D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Ngô Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/8/2006. Anh Nguyễn Trung D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Phương thức cấp

dưỡng được thực hiện theo tháng, vào ngày 30 hàng tháng và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn. Còn cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 02/01/2002 đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Ngô Thị M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền N^{o} 0006097 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, nay khấu trừ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chuyển thành tiền án phí (chị Mãi đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Trả lại cho chị Ngô Thị M số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* do nộp tạm ứng án phí còn lại.

Anh Nguyễn Trung D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Huệ